

Bản án số: 01/2025/KDTM-PT

Ngày 16 – 01 – 2025

“ V/v Tranh chấp hợp đồng dịch vụ ”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Ông Cao Xuân Long

**Các Thẩm phán:** Ông Trịnh Hoàng Anh

Bà Bùi Thị Thương

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Thị Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Thành Lê - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10 và 16 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 17/2024/TLPT-KDTM ngày 19/11/2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ*”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 14/2024/KDTM-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 345/2024/QĐ-PT ngày 05/12/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 320/2024/QĐ-PT ngày 16/12/2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Công ty Cổ phần C;

Địa chỉ: Số B đường Đ, khu phố T, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

**Người đại diện theo pháp luật:** Ông Phạm Tấn L – Chức vụ: Giám đốc (vắng mặt).

**Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:** Ông Trương Ngô Hồng T, sinh năm 1986 (có mặt) và ông Đặng Thanh H, sinh năm 1995 (có mặt); cùng địa chỉ: 4 N, phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:** Ông Trương Xuân T1 – Luật sư Công ty L2, thuộc đoàn Luật sư tỉnh B (có mặt).

- **Bị đơn:** Công ty Trách nhiệm hữu hạn P1;

Địa chỉ: Khu công nghiệp M, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông P, B - Chức vụ: Tổng Giám đốc (vắng mặt).

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:* Ông Lê Đức Anh T2, sinh năm 1997 (có mặt), địa chỉ: khu phố C, thị trấn V, huyện V, thành phố Hải Phòng; bà Trịnh Thị D, sinh năm 1987 (có mặt), địa chỉ: Tổ B, xóm T, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng; ông Phạm Ngọc H1, sinh năm 1970 (vắng mặt), địa chỉ: TDP Đ, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng; ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1992 (có mặt), địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai và ông Vòng Nhục S, sinh năm 1990 (có mặt), địa chỉ: Ấp L, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

- **Người kháng cáo:** Công ty TNHH P1; là bị đơn trong vụ án.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*1. Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn – Công ty Cổ phần C trình bày:*

Ngày 01/3/2017 giữa Công ty Cổ phần C (gọi tắt là Công ty C) và Công ty TNHH P1 (gọi tắt là Công ty P1) thoả thuận ký hợp đồng dịch vụ cấp nước số 01-03/2017 với nội dung như sau:

Công ty C cung cấp nước sạch cho Công ty P1 tại khu công nghiệp M thông qua việc bán qua đồng hồ tổng khu công nghiệp với tỷ lệ cấp nước 100%; giá bán được tính trên cơ sở bảng giá nước sạch hiện hành do UBND tỉnh B quy định, áp dụng cho sản xuất vật chất: Bán qua đồng hồ tổng khu công nghiệp. Thời hạn thanh toán: Công ty C cung cấp hoá đơn cho Công ty P1 sau 05 ngày kể từ ngày xác nhận chỉ số đồng hồ đo nước hàng tháng. Sau khi nhận được hoá đơn, Công ty P1 có trách nhiệm thanh toán đầy đủ tiền nước trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hoá đơn tiền nước. Hình thức thanh toán bằng chuyển khoản. Để thực hiện việc cấp nước theo hợp đồng trên thì Công ty P1 đã đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước trong khu công nghiệp M. Đến ngày 15/3/2022 giữa Công ty C và Công ty P1 đã ký với nhau phụ lục hợp đồng dịch vụ cấp nước số 03/PL-CNPM với nội dung: Công ty P1 giao cho Công ty C tiếp nhận và quản lý toàn bộ đường ống và đồng hồ nước trong khu công nghiệp M A2 thuộc quyền sở hữu của Công ty P1 theo nội dung Phụ lục hợp đồng Công ty C đã cung cấp cho Tòa án.

Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty P1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền nước từ tháng 01/2024 đến tháng 07/2024, cụ thể tại các Hoá đơn giá trị gia tăng như sau:

Đối với mã danh bộ 7910020:

Hóa đơn giá trị gia tăng số 40 ngày 24/01/2024 với số tiền 4.741.707.181 đồng, còn nợ 4.194.821.609 đồng.

Hóa đơn giá trị gia tăng số 47742 ngày 22/02/2024 với số tiền 3.885.759.045 đồng.

Hóa đơn giá trị gia tăng số 76353 ngày 23/3/2024 với số tiền 5.301.527.070 đồng

Hóa đơn giá trị gia tăng số 104963 ngày 23/4/2024 với số tiền 5.360.448.818 đồng

Hóa đơn giá trị gia tăng số 133694 ngày 24/5/2024 với số tiền 4.901.447.460 đồng.

Hóa đơn giá trị gia tăng số 162440 ngày 22/6/2024 với số tiền 4.291.856.310 đồng

Hóa đơn giá trị gia tăng số 191181 ngày 22/7/2024 với số tiền 1.844.896.988 đồng.

Đối với mã danh bộ số 7910035:

Hóa đơn giá trị gia tăng số 76352 ngày 23/3/2024 với số tiền 15.793.260 đồng.

Hóa đơn giá trị gia tăng số 104964 ngày 23/4/2024 với số tiền 10.871.700 đồng.

Hóa đơn giá trị gia tăng số 133693 ngày 24/5/2024 với số tiền 12.160.680 đồng.

Hóa đơn giá trị gia tăng số 162441 ngày 22/6/2024 với số tiền 10.025.400 đồng.

Hóa đơn giá trị gia tăng số 191182 ngày 22/7/2024 với số tiền 1.731.660 đồng.

Đối với số tiền tại các hóa đơn giá trị gia tăng trên thì ngày 29/5/2024 Công ty P1 đã thanh toán một phần tiền nước theo Hóa đơn giá trị gia tăng số 40 ngày 24/01/2024 với số tiền 546.878.572 đồng, ngày 10/7/2024 Công ty P1 đã thanh toán tiền nước của tháng 5/2024 theo Hóa đơn giá trị gia tăng số 133694 ngày 24/5/2024 với số tiền 4.901.447.460 đồng và Hóa đơn giá trị gia tăng số 133693 ngày 24/5/2024 với số tiền 12.160.680 đồng. Tổng cộng các khoản Công ty P1 đã thanh toán cho các Hóa đơn giá trị gia tăng trên là 5.460.486.712 đồng.

Như vậy, hiện nay Công ty P1 còn nợ Công ty C số tiền 24.917.731.860 đồng.

Do đó, Công ty C khởi kiện yêu cầu Công ty P1 có trách nhiệm thanh toán số tiền nước còn nợ của các tháng 01, 02, 03, 04, 06, 07/2024 với tổng số tiền là 24.917.731.860 đồng. Công ty C không yêu cầu tiền lãi do chậm nghĩa vụ thanh toán.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, ngày 12/12/2024, Công ty P1 đã thanh toán được số tiền 4.000.000.000 đồng; do đó, Công ty C đã

có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu Công ty P1 phải thanh toán số tiền còn lại là 20.917.731.860 đồng.

2. *Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn – Công ty TNHH P1 trình bày:*

Ngày 01/3/2017 giữa Công ty P1 và Công ty C đã thoả thuận ký Hợp đồng dịch vụ cấp nước số 01-03/2017 nội dung được thể hiện cụ thể tại hợp đồng dịch vụ cấp nước số 01-03/2017 như trình bày của Công ty C.

Công ty P1 xác nhận theo số liệu do kế toán của Công ty cung cấp thì số tiền nợ hiện nay là 24.916.000.200 đồng. Công ty P1 đồng ý thanh toán số tiền trên cho Công ty C với lộ trình thanh toán như sau:

Từ ngày 25/10/2024 đến ngày 31/10/2024 sẽ thanh toán số tiền 4.916.000.200 đồng; từ ngày 25/11/2024 mỗi tháng thanh toán số tiền 2.000.000.000 đồng cho đến ngày 30/9/2025 thanh toán xong số tiền còn lại là 20.000.000.000 đồng. Trường hợp Công ty C đồng ý thì yêu cầu Tòa án ghi nhận sự thoả thuận của các bên.

Đối với số tiền 24.917.731.860 đồng theo yêu cầu của Công ty C thì ông xác nhận trường hợp cộng số tiền 24.916.000.200 đồng theo số liệu của kế toán Công ty cung cấp và số tiền tại hóa đơn giá trị gia tăng số 191182 ngày 22/7/2024 thì tổng cộng là 24.917.731.860 đồng. Tuy nhiên số nợ kế toán Công ty đưa ra cho ông trước khi đến tham gia phiên tòa là 24.916.000.200 đồng nên ông chỉ xác nhận Công ty P1 hiện đang nợ số tiền 24.916.000.200 đồng.

Công ty P1 xác định việc Công ty C khởi kiện là đã vi phạm theo thoả thuận của hai bên được ghi nhận tại Điều 13 Hợp đồng dịch vụ cấp nước số 01-03/2017 ngày 01/3/2017, cụ thể trường hợp hai bên phát sinh tranh chấp thì sẽ giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng thân thiện một cách thiện chí và không trái với pháp luật trước khi khởi kiện tại Cơ quan có thẩm quyền. Ở đây Công ty C và Công ty P1 chưa ngồi lại với nhau để thoả thuận thương lượng cách giải quyết tranh chấp mà Công ty C đã khởi kiện Công ty P1 tại Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ là không phù hợp với thoả thuận của hai bên theo hợp đồng.

Việc Công ty P1 thanh toán chậm tiền nước cho Công ty C một phần do Công ty P1 phải hỗ trợ tài chính cho các nhà đầu tư hoạt động trong khu công nghiệp M A2 trong tình hình khó khăn chung của các doanh nghiệp trên địa bàn, một phần do trên các trang mạng xuất hiện các bài viết không đúng sự thật về Công ty P1 gây ảnh hưởng đến uy tín của Công ty P1, ảnh hưởng đến nguồn vốn hỗ trợ từ tập đoàn. Điều đó chứng tỏ Công ty C đã cung cấp, tiết lộ các thông tin cho báo chí các nội dung thông tin liên quan đến giao dịch giữa hai bên mà không hề nhận được sự đồng ý của Công ty P1, việc làm này đã vi phạm Điều 14 của Hợp đồng dịch vụ cấp nước số 01-03/2017 ngày 01/3/2017 dẫn đến có hơn 100 trang mạng lan toả những thông tin này, chính việc này đã dẫn đến phía tập đoàn B1 đã cắt nguồn hỗ trợ cho Công ty P1, vì các thông tin trên đã gây ảnh hưởng đến uy tín của Công ty P1 và tập đoàn B1. Đối với ý kiến này của Công

ty P1 thì Công ty hiện đang thu thập hồ sơ tài liệu chứng cứ và sẽ khởi kiện Công ty C bằng một vụ án khác, không yêu cầu Tòa án xem xét trong vụ án này.

Công ty P1 xác định luôn có thiện chí thanh toán và tất toán toàn bộ công nợ cho Công ty C, tuy nhiên việc thanh toán đang bị ngăn chặn bởi việc phong toả tài khoản của Công ty P1 tại Ngân hàng H2, L – Chi nhánh thành phố H. Do đó Công ty P1 yêu cầu huỷ bỏ áp dụng biện pháp phong toả tài khoản của Công ty P1, số tài khoản 910-13-001436-7 mở tại Ngân hàng H2, L – Chi nhánh Thành phố H theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty P1 xác nhận, ngày 26/11/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã có Quyết định huỷ bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06/2024/QĐ-BPKCTT, theo đó đã huỷ bỏ việc phong toả tài khoản nói trên của Công ty P1. Đồng thời, ngày 12/12/2024, Công ty P1 đã thanh toán cho Công ty C số tiền 4.000.000.000 đồng.

*3. Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 14/2024/KDTM-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ đã tuyên xử:*

3.1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần C đối với Công ty TNHH P1 về “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ cấp nước”;

Buộc Công ty TNHH P1 thanh toán cho Công ty Cổ phần C số tiền nợ tính từ tháng 01/2024 đến ngày 22/7/2024 là 24.917.731.860đ (hai mươi bốn tỷ chín trăm mười bảy triệu bảy trăm ba mươi một nghìn tám trăm sáu mươi đồng).

3.2. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 06/2024/QĐ – BPKCTT ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong toả tài khoản số 910-13-001436-7 của Công ty TNHH P1 mở tại Ngân hàng H2, L – Chi nhánh thành phố H.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, lãi suất chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

*4. Nội dung kháng cáo:*

Ngày 02/10/2024, Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa nhận được đơn kháng cáo của bị đơn - Công ty TNHH P1; nội dung kháng cáo toàn bộ Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 14/2024/KDTM-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ.

*5. Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án và không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới.

*6. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, thành viên Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH P1 và sửa một phần bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 14/2024/KDTM-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo hướng: Buộc Công ty TNHH P1 thanh toán cho Công ty cổ phần C số tiền nợ tính từ tháng 01/2024 đến ngày 22/7/2024 là 20.917.731.860đ (Hai mươi tỷ chín trăm mười bảy triệu bảy trăm ba mươi một nghìn tám trăm sáu mươi đồng).

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn - Công ty TNHH P1 (gọi tắt Công ty P1) đảm bảo đúng thủ tục, nội dung và nộp trong thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên hợp lệ; Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận xem xét lại Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 14/2024/KDTM-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH P1 thì thấy:

[2.1] Xét việc ký kết và thực hiện Hợp đồng dịch vụ cấp nước số 01-03/2017 ngày 01/3/2017, phụ lục hợp đồng dịch vụ cấp nước số 03/PL-CNPM ngày 15/3/2022 giữa Công ty Cổ phần C và Công ty TNHH P1 trên sự tự nguyện thỏa thuận của các bên, đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, do người đại diện có thẩm quyền của hai Công ty ký kết là đúng thẩm quyền, được sự thừa nhận của các bên nên có hiệu lực pháp luật và có hiệu lực thi hành đối với các bên.

[2.2] Xét việc thực hiện nghĩa vụ cung cấp nước của Công ty Cổ phần C thì thấy:

Công ty C đã cung cấp nước sạch cho Công ty P1 tại khu công nghiệp M thông qua việc bán qua đồng hồ tổng khu công nghiệp với tỷ lệ cấp nước 100% và hàng tháng đã cung cấp hóa đơn giá trị gia tăng để Công ty P1 thanh toán tiền nước. Đồng thời Công ty C đã tiếp nhận và quản lý toàn bộ đường ống và đồng hồ nước trong khu công nghiệp M A2 thuộc quyền sở hữu của Công ty P1 theo thỏa thuận giữa các bên. Quá trình cung cấp nước sạch thì Công ty P1 không có khiếu nại về chất lượng nước. Như vậy, Công ty C đã thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ theo thỏa thuận tại Hợp đồng dịch vụ cấp nước số 01/3/2017 ngày

01/03/2017, phụ lục hợp đồng dịch vụ cấp nước số 03/PL-CNPM ngày 15/3/2022.

[2.3] Xét việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền dịch vụ cấp nước của Công ty TNHH P1 thì thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, Công ty C và Công ty P1 cùng xác nhận:

Công ty P1 chưa thanh toán được cho Công ty C số tiền 24.917.731.860 đồng được thể hiện trên các hóa đơn giá trị gia tăng sau:

Hóa đơn giá trị gia tăng số 40 ngày 24/01/2024 với số tiền 4.741.707.181 đồng, còn nợ 4.194.821.609 đồng.

Hóa đơn giá trị gia tăng số 47742 ngày 22/02/2024 với số tiền 3.885.759.045 đồng.

Hóa đơn giá trị gia tăng số 76353 ngày 23/3/2024 với số tiền 5.301.527.070 đồng

Hóa đơn giá trị gia tăng số 104963 ngày 23/4/2024 với số tiền 5.360.448.818 đồng

Hóa đơn giá trị gia tăng số 162440 ngày 22/6/2024 với số tiền 4.291.856.310 đồng

Hóa đơn giá trị gia tăng số 191181 ngày 22/7/2024 với số tiền 1.844.896.988 đồng.

Hóa đơn giá trị gia tăng số 76352 ngày 23/3/2024 với số tiền 15.793.260 đồng.

Hóa đơn giá trị gia tăng số 104964 ngày 23/4/2024 với số tiền 10.871.700 đồng.

Hóa đơn giá trị gia tăng số 162441 ngày 22/6/2024 với số tiền 10.025.400 đồng.

Hóa đơn giá trị gia tăng số 191182 ngày 22/7/2024 với số tiền 1.731.660 đồng.

Đối chiếu nội dung mà các bên đã thỏa thuận tại khoản 9.2 Điều 9 của hợp đồng dịch vụ cung cấp nước ngày 01/3/2017: “Sau khi nhận được hoá đơn, Công ty P1 có trách nhiệm thanh toán đầy đủ tiền nước trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hoá đơn tiền nước”; thì có căn cứ xác định Công ty P1 là người đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền dịch vụ cấp nước cho Công ty C.

[2.4] Xét lý do Công ty P1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền dịch vụ cấp nước cho Công ty C thì thấy:

*Thứ nhất, Công ty P1 cho rằng Công ty C khởi kiện khi các bên chưa thương lượng để giải quyết tranh chấp là vi phạm thỏa thuận theo Hợp đồng;*

*mặt khác, Biên bản họp ngày 08/5/2024 là thỏa thuận mới giữa Công ty P1 và Công ty C nên số nợ phải được xác định lại theo lộ trình trong biên bản này, thì thấy:*

Biên bản họp ngày 08/5/2024 đã thể hiện rõ về quá trình thương lượng giữa hai bên liên quan đến khoản nợ tiền nước của Công ty P1. Bản thân Công ty P1 đã đưa ra cam kết về lộ trình thanh toán tiền nước như sau: “*Đối với thời hạn thanh toán công nợ tiền nước tính đến tháng 3 năm 2024: Công ty P1 sẽ thanh toán trước ngày 20/5/2024; đối với thanh toán tiền nước hàng tháng kể từ tháng 4 năm 2024: Công ty P1 sẽ thanh toán cho Công ty C tiền nước tháng này trước ngày cuối cùng của tháng tiếp theo. Theo đó, đối với tiền nước tháng 4 năm 2024 thì Công ty P1 sẽ thanh toán trước ngày 31/5/2024*”. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện thỏa thuận này, Công ty P1 không thực hiện đúng cam kết, vì vậy, đến tháng 7 năm 2024, Công ty C đã khởi kiện Công ty P1 để bảo vệ quyền lợi chính đáng của mình là đúng quy định pháp luật, đúng quy định của Hợp đồng. Công ty P1 căn cứ vào nội dung này để vi phạm nghĩa vụ thanh toán là không có cơ sở.

*Thứ hai, Công ty P1 cho rằng việc chậm thanh toán là để hỗ trợ tài chính cho các nhà đầu tư tại KCN Mỹ Xuân A thì thấy:*

Các nội dung trong Hợp đồng và Phụ lục hợp đồng không có quy định nào cho phép Công ty P1 chậm thanh toán để hỗ trợ cho bên thứ ba.

*Thứ ba, Công ty P1 đưa ra lý do chậm thanh toán là do Công ty C đã vi phạm các thỏa thuận trong Hợp đồng dịch vụ cấp nước, thì thấy:*

Quá trình giải quyết vụ án, Công ty P1 và Công ty C không có tranh chấp về hợp đồng dịch vụ cấp nước ngày 01/3/2017 và phụ lục hợp đồng ngày 15/3/2022 mà hai bên đã ký; đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty P1 không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh về việc xác định Công ty C đã vi phạm hợp đồng và có văn bản thông báo cho Công ty C biết phía Công ty C đã vi phạm nội dung nào của hợp đồng, phụ lục hợp đồng, để từ đó làm căn cứ xác định việc vi phạm nghĩa vụ thanh toán của Công ty P1 là chính đáng. Do đó, ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của Công ty P1 về nội dung này tại cấp phúc thẩm là không có căn cứ để chấp nhận.

Ngoài ra, Công ty P1 căn cứ vào văn bản số 1607/BG ngày 16/7/2024 của Tập đoàn B1 gửi đến Công ty F về việc dừng chuyển tiền đầu tư cho Công ty P1 để cho rằng Công ty C đã vi phạm Điều 14 Hợp đồng dịch vụ cấp nước thông qua việc cung cấp thông tin cho báo chí dẫn đến nhiều trang báo lan truyền thông tin giao dịch giữa hai bên nên tập đoàn B1 dừng việc chuyển tiền đầu tư cho Công ty P1. Xét thấy, văn bản này do chính ông Peng B là người đại diện theo pháp luật của Công ty P1 ký ban hành nên không có giá trị pháp lý để Tòa án xem xét; đồng thời nội dung của văn bản xác định dừng việc chuyển tiền cho Công ty P1 thực hiện cho các hạng mục đầu tư mới, không phải dừng chuyển tiền để thanh toán các khoản nợ của Công ty P1. Do đó Công ty P1 đưa ra các lý do để trì hoãn việc thanh toán nợ cho Công ty C là không phù hợp.



Mặt khác, căn cứ hồ sơ kê khai thuế của Công ty P1 tại Cục thuế tỉnh B do Tòa án thu thập xác định Công ty P1 hàng tháng đều xuất hóa đơn thanh toán tiền nước cho các nhà đầu tư thứ cấp trong khu công nghiệp M, đến thời điểm hiện nay giữa Công ty P1 và các nhà đầu tư thứ cấp không có tranh chấp về việc thanh toán tiền dịch vụ cấp nước. Do đó có thể xác định các nhà đầu tư thứ cấp hàng tháng đã thanh toán đầy đủ tiền dịch vụ cấp nước cho Công ty P1, tuy nhiên Công ty P1 không thanh toán tiền nước cho Công ty C đúng hạn thỏa thuận trong hợp đồng.

*Thứ tư, Công ty P1 cho rằng việc vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền nước xuất phát từ thói quen trong hoạt động thương mại vì Công ty P1 đã nhiều lần chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty C, thì thấy:*

Việc Công ty P1 thực hiện nghĩa vụ thanh toán là vi phạm nghĩa vụ được các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng; nó không phải là quy tắc xử sự để xác lập quyền và nghĩa vụ của các bên, nên không phải là thói quen trong hoạt động thương mại theo quy định tại Điều 3 Luật Thương mại để làm căn cứ cho P1 được quyền vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, lý do chậm thanh toán tiền dịch vụ cung cấp nước mà Công ty P1 đưa ra là không có căn cứ; không thuộc trường hợp bất khả kháng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty C và buộc Công ty P1 phải thanh toán cho Công ty C tiền dịch vụ cấp nước tính đến ngày 22/7/2024 là 24.917.731.860 đồng là hoàn toàn có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật.

[2.5] Tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty P1 đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại về thủ tục tố tụng vụ án để hủy bản án sơ thẩm thì thấy:

*Thứ nhất, Công ty P1 cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không thực hiện thủ tục tiền tố tụng, thì thấy:*

Căn cứ vào quy định tại khoản 3 Điều 16 Luật Hòa giải đối thoại tại Tòa án thì trong 02 ngày kể từ ngày nhận đơn, Tòa án cấp sơ thẩm phải gửi văn bản cho Công ty C về việc lựa chọn hòa giải tại Trung tâm hòa giải và hòa giải viên. Tòa án cấp sơ thẩm đã không thực hiện việc gửi văn bản là thiếu sót. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm Công ty C khẳng định không có yêu cầu hòa giải tại Trung tâm hòa giải và trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm thì Công ty P1 cũng không có yêu cầu cần phải tiến hành hòa giải tại Trung tâm hòa giải; do đó, thiếu sót của Tòa án cấp sơ thẩm không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự nên không có căn cứ để hủy bản án sơ thẩm.

*Thứ hai, Công ty P1 cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không đúng quy định của pháp luật, thì thấy:*

Ngày 10/7/2024, Tòa án cấp sơ thẩm đã ban hành Quyết định khẩn cấp tạm thời số 06/2024/QĐ-BPKCTT về việc phong tỏa tài khoản của Công ty P1. Do Công ty P1 là người vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên để đảm bảo việc thi hành án Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số

06/2024/QĐ-BPKCTT là có căn cứ. Đồng thời, ngày 26/11/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã ban hành quyết định số 06/2024/QĐ-BPKCTT về việc hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ theo đơn yêu cầu của Công ty C. Do đó, Quyết định số 06/2024/QĐ-BPKCTT ngày 10/7/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ không còn giá trị pháp lý kể từ ngày 26/11/2024. Vì vậy, không có căn cứ để cho rằng cấp sơ thẩm áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không đúng quy định của pháp luật, để từ đó hủy bản án sơ thẩm theo ý kiến của Công ty P1.

*Thứ ba, Công ty P1 cho rằng Tòa án không bổ sung người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân tỉnh B và các nhà đầu tư thứ cấp trực tiếp sử dụng nước nên vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, thì thấy:*

Việc Công ty P1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền nước không liên quan đến Ủy ban nhân dân tỉnh B. Đồng thời, Công ty C cung cấp nước cho Công ty P1 và tính khối lượng nước tiêu thụ qua đồng hồ tổng của Công ty P1 và Công ty P1 thanh toán trên hóa đơn giá trị gia tăng do Công ty C cung cấp; các nhà đầu tư thứ cấp thanh toán tiền nước cho Công ty P1, không trực tiếp thanh toán cho Công ty C. Do đó, trong vụ án này, Ủy ban nhân dân tỉnh B và các nhà đầu tư thứ cấp không có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gì. Vì vậy, Công ty P1 cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không bổ sung người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân tỉnh B và các nhà đầu tư thứ cấp trực tiếp sử dụng nước nên vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng là không có căn cứ.

*Thứ tư, Công ty P1 cho rằng Tòa án thụ lý yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn đối với khoản tiền nước tháng 6 và tháng 7 sau khi hòa giải công khai chứng cứ là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng thì thấy:*

Công ty C yêu cầu Công ty P1 thanh toán tiền nước tạm tính đến thời điểm nộp đơn khởi kiện tháng 7 năm 2024. Tuy nhiên, đến ngày 15/8/2024, số tiền nước chưa thanh toán của Công ty P1 lại phát sinh thêm tháng 6 và tháng 7; do đó, Công ty C yêu cầu Công ty P1 thanh toán thêm khoản tiền nợ là nằm trong phạm vi khởi kiện, chỉ có thay đổi về số tiền từ 23.682.829.642 đồng lên thành 24.917.731.860 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm không tổ chức công khai tài liệu chứng cứ đối với các hóa đơn giá trị gia tăng của tháng 6 và tháng 7 là có sự vi phạm về tố tụng. Tuy nhiên, tại Tòa án cấp sơ thẩm, Công ty P1 xác nhận hóa đơn giá trị gia tăng tháng 6 và tháng 7 năm 2024 đã được Công ty C giao cho Công ty P1 và đại diện Công ty P1 đã xác nhận đúng số tiền nợ trên các hóa đơn giá trị gia tăng mà Công ty C cung cấp. Do đó, vi phạm của Tòa án cấp sơ thẩm không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự trong vụ án (cụ thể không làm ảnh hưởng đến nghĩa vụ thanh toán tiền còn nợ của Công ty P1 cho Công ty C), nên không có cơ sở để hủy bản án sơ thẩm.

[3] Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/12/2024, Công ty P1 đã thanh toán cho Công ty cổ phần C số tiền 4.000.000.000 đồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm trừ số tiền này vào nghĩa vụ thanh toán của Công ty P1; do đó Công ty P1 phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cổ phần C số tiền:

24.917.731.860 đồng – 4.000.000.000 đồng = 20.917.731.860 đồng. Tòa án cấp phúc thẩm sửa lại nội dung này của bản án sơ thẩm, đây là tình tiết mới phát sinh trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, nên Tòa án cấp sơ thẩm không có lỗi.

Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy kháng cáo của Công ty P1 là không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của Công ty C được Hội đồng xét xử chấp nhận nên cần buộc Công ty P1 phải có nghĩa vụ nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 128.917.731 đồng.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Do yêu cầu kháng cáo của Công ty P1 không được Tòa án chấp nhận nên phải Công ty P1 phải chịu 2.000.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH P1.

Sửa một phần bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 14/2024/KDTM-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, cụ thể:

Áp dụng: Điều 74, 85, 87 Luật Thương mại; Điều 410 Bộ luật Dân sự; Điều 26, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/10/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần C đối với Công ty TNHH P1 về “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ cấp nước”;

Buộc Công ty TNHH P1 thanh toán cho Công ty Cổ phần C số tiền nợ tính từ tháng 01/2024 đến ngày 22/7/2024 là 20.917.731.860đ (Hai mươi tỷ, chín trăm mười bảy triệu, bảy trăm ba mươi một nghìn tám trăm sáu mươi đồng).

*Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thì hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm lãi suất của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.*

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH P1 phải chịu số tiền 128.917.731đ (một trăm hai mươi tám triệu, chín trăm mười bảy nghìn, bảy trăm ba mươi một đồng).

Công ty Cổ phần C không phải chịu và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 122.915.255đ (một trăm hai mươi hai triệu, chín trăm mười lăm nghìn, hai trăm năm mươi lăm đồng) theo biên lai thu tiền số 0003395 ngày 02/7/2024 và biên lai thu tiền số 0003823 ngày 29/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Công ty TNHH P1 phải chịu số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng); được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003872 ngày 03/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Công ty TNHH P1 đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 16/01/2025).

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh BR-VT;
- TAND thị xã Phú Mỹ;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- Chi cục THADS thị xã Phú Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Cao Xuân Long**